

Số: **48** /2015/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **08** tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi
tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số: 230 /TTr-STP ngày 30 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- * - Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, các PCVP và CV;
- Lưu: VT, KNPL.. *

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
HỒ CHỦ TỊCH



Đình Khắc Đỉnh

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4.8/2015/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.
2. Thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời và hiệu quả.
3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

Điều 3. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập các Đoàn công tác liên ngành.
5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xem xét, đánh giá kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
2. Xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết.
3. Xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết.
4. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.

5. Xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật.
6. Phối hợp trong việc xây dựng Kế hoạch và Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
7. Phối hợp trong việc thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.
8. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 5. Phối hợp trong việc xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành để xác định nội dung được giao quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản được quy định chi tiết và lập dự kiến Danh mục văn bản quy định chi tiết trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp soạn thảo văn bản quy định chi tiết trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Danh mục văn bản quy định chi tiết được ban hành;

c) Xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo đúng tiến độ được phê duyệt và quy định đầy đủ nội dung được giao quy định chi tiết đã được xác định trong Danh mục văn bản quy định chi tiết.

d) Ngoài việc xây dựng văn bản quy định chi tiết theo Kế hoạch, thường xuyên rà soát, theo dõi, đối chiếu với Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để phát hiện các văn bản chưa được ban hành hoặc không đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo hoặc không cần thiết phải ban hành, xác định nguyên nhân và kiến nghị phương án xử lý; phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sở Tư pháp

Căn cứ các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này, chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các việc sau:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết;

c) Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo kế hoạch;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết theo yêu cầu của Bộ Tư pháp. Báo cáo nêu rõ tiến độ xây dựng đối với từng văn bản, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

Điều 6. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết

1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện)

Thường xuyên xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách; kịp thời phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý và gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp

Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là Thông tư số 14/2014/TT-BTP), lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 7. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện

Kịp thời phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để tổng hợp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp

Lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 8. Phối hợp trong xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện

a) Xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện, đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật, gửi Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp;

b) Xác định nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế, đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực, gửi Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp chung;

c) Xác định nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với thực trạng bảo đảm, đánh giá về mức độ đáp ứng của việc bảo đảm, kiến nghị của việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất, gửi Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp chung.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, phân tích xem xét các kiến nghị được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 9. Phối hợp trong xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện

a) Phát hiện, lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ, hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi

phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác; các vi phạm pháp luật phổ biến trong từng lĩnh vực cụ thể;

b) Đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo các tiêu chí về nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguyên nhân khác;

c) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành văn bản pháp luật đã có hiệu lực; xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, gửi Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 10. Phối hợp trong việc xây dựng Kế hoạch và Báo cáo tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán Ngân sách nhà nước hàng năm và thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo đồng bộ với trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh trong năm đó.

b) Trước ngày 15 tháng 10 hàng năm, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện

a) Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng và ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của ngành mình, địa phương mình, đảm bảo sự phù hợp về lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật của ngành và kế hoạch chung của tỉnh.

b) Định kỳ trước ngày 01 tháng 10 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, thực hiện báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn quản lý gửi Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tư pháp.

Điều 11. Phối hợp trong việc thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp.

Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp phải được kiểm tra, đối chiếu trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

b) Sau khi kiểm tra, đối chiếu tính xác thực, thông tin về tình hình thi hành pháp luật được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là *Nghị định số 59/2012/NĐ-CP*) và Điều 8, Điều 9 Thông tư số 14/2014/TT-BTP hoặc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 12. Phối hợp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý liên ngành, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật.

b) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật theo đúng yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. UBND cấp huyện

a) Báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ tại địa phương.

Chương III

PHỐI HỢP VÀ THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 13. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Các tổ chức, cá nhân có quyền tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 14. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử;

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật;

3. Hội luật gia tỉnh, Đoàn luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật;

4. Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bằng các hình thức phù hợp.

Điều 15. Các hình thức tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác và cá nhân tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hình thức được quy định tại Điều 12 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch công tác và nhiệm vụ được giao, các đơn vị thực hiện việc dự toán ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện Quy chế. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Quy chế này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định, tập hợp tiếp thu ý kiến đề xuất của các cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3. Các nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; Thông tư số 14/2014/TT-BTP và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để kịp thời trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Khắc Đỉnh